

Số: 401 /QĐ-CĐDB-ĐT

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh các lớp Trung cấp
KNL2018B2, LS2018B2), khóa học 2018-2020, hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC

Căn cứ Quyết định số 4314/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-CĐDB-TCHC ngày 12/12/2017 của Hiệu trưởng
về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông
lâm Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-CDNDB-ĐT, ngày 08/10/2019 của Hiệu trưởng
về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp,
trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-CĐDB-ĐT, ngày 09/4/2021 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc về việc thành lập Hội đồng thi
tốt nghiệp các lớp đào tạo trình độ Trung cấp: KNL2018B2, LS2018B2, khóa học 2018-
2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp phiên thứ hai, xét điều kiện dự thi tốt
nghiệp cho học sinh các lớp TC-KNL2018B2, TC-LS2018B2, khóa 2018-2020, họp ngày
17/5/2021

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp cho 10 học sinh lớp TC-
KNL2018B2 và 12 học sinh lớp TC-LS 2018B2, khóa học 2018-2020, hệ chính quy.

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh tốt nghiệp thực hiện theo đúng qui định hiện hành của Nhà
nước khi nhận công tác và được hưởng các quyền lợi theo nghề đào tạo.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Nông lâm, Thủ trưởng các đơn vị
liên quan và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT GDNN-GDTH Trảng Định, Lạng Sơn ;
- Lưu VT, ĐT(3).

HIỆU TRƯỞNG



Đào Sỹ Tam

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
VÀ NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC**

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP TC-KNL2018 B2, TC-LS 2018B2 ĐƯỢC CÔNG NHẬN
VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: 401 /QĐ-CĐĐB-ĐT, ngày 17 /5 /2021 của Hiệu trưởng)

TT	Họ Và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Điểm thi TN			Điểm ĐGXL TN	Xếp loại TN	
						CT	LTTH NN	THN N			
I.Lớp TC-KNL 2018B2											
1.	Hoàng Thị Hồng Nhung	23/9/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nữ	6.8	7.0	6.9	6.8	TB Khá	
2.	Hoàng Hồng Quân	23/6/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	7.3	6.0	5.5	5.9	Trung bình	
3.	Dương Đình Quảng	14/7/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	7.0	6.0	5.5	6.0	TB Khá	
4.	Lương Văn Thoại	06/01/2002	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	6.0	6.0	5.5	5.9	Trung bình	
5.	La Văn Thuận	29/6/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	7.3	5.0	6.8	6.4	TB Khá	
6.	Sầm Quốc Toán	01/4/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	5.0	5.5	5.5	5.9	Trung bình	
7.	Tô Văn Tú	07/9/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	7.3	6.0	5.5	6.0	TB Khá	
8.	La Thanh Tường	14/10/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	7.3	5.5	5.5	6.1	TB Khá	
9.	Nguyễn Bền Vững	11/5/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	5.0	5.5	5.5	5.8	Trung bình	
10.	NôngThị Hải Yến	09/4/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Tày	Nữ	7.3	8.0	7.0	7.4	Khá	
II. Lớp TC-LS 2018B2											
1.	Triệu Văn An	13/6/2001	Tràng Định, Lạng Sơn	Dao	Nam	6.8	6.5	7.7	7.1	Khá	
2.	Ma Quốc Cường	05/11/2003	Tràng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	5.5	5.5	6.5	6.2	TB Khá	

TT	Họ Và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Điểm thi TN			Điểm ĐGXL TN	Xếp loại TN
						CT	LTTH NN	THN N		
3.	Phuong Trung Du	14/02/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	6.8	7.5	6.6	6.8	TB Khá
4.	Bé Văn Dũng	19/5/2002	Trảng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	6.5	5.5	7.2	6.4	TB Khá
5.	Nguyễn Hoàng Duy	10/8/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	7.0	6.5	6.6	6.6	TB Khá
6.	Nông Xuân Hanh	08/5/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	7.3	6.5	7.1	6.7	TB Khá
7.	Nông Thị Hồng	16/12/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nữ	7.3	7.0	7.5	7.3	Khá
8.	Phuong Ngọc Huân	23/9/2002	Trảng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nam	7.3	6.5	7.0	6.7	TB Khá
9.	Long Hải Hưng	20/11/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	7.3	5.5	6.4	6.3	TB Khá
10.	Vương Thị Nhật Lệ	26/6/2002	Trảng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nữ	7.3	8.0	7.4	7.3	Khá
11.	Trần Văn Lợi	29/9/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Tày	Nam	7.0	6.0	6.6	6.3	TB Khá
12.	Đàm Thị Ngọc	30/11/2003	Trảng Định, Lạng Sơn	Nùng	Nữ	7.3	7.5	8.1	7.6	Khá

- Ấn định danh sách: 22 học sinh./ 